

TOÀ ÁN NHÂN DÂN YÊN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 26/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 30/6/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN YÊN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngô Phiên
2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân yên Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân yên Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa ông Nông Văn Hội- kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân yên Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2021 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số:15/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, yên Y, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã Đ, yên Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T vào ngày 18/10/2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời không tu trí làm ăn, rồi mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ăn ở, sau khi chị T về nhà mẹ đẻ chăm ở được 2 tháng đến tháng 8/2020 thì anh T đã có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai từ tháng 8/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh T.

Về con cng: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Việt T, sinh ngày 29/8/2014, nay con chung đang ở với chị, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến làm việc, Qua xác minh tại địa phương xã Đ nơi thường trú của anh T thì được biết, anh T, chị T kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, sau khi cưới chị T, anh T về sinh sống tại thôn C, xã Đ nhà bố mẹ đẻ anh T. vợ chồng chung sống năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chỉ nghe mẹ đẻ anh T nói vợ chồng hay sảy ra cãi nhau, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở A, Đ vợ chồng sống ly thân từ 8/2000 đến nay. Còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được chỉ biết là vợ chồng đã ly thân từ 8/2020 đến nay; Về con chung chị T, anh T có 1 con chung là Hoàng Việt T, sinh ngày 29/8/2014, hiện nay cháu đang ở với chị T. Chị T hiện nay là giáo viên mầm non, còn anh T làm nghề lái xe, anh T đi lái xe có khi vài ngày mới về nhà một lần, bố mẹ anh T đi làm từ sáng đi tối muộn mới về nhà, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, địa phương đã đến nhà anh T giao giấy tờ của Tòa án nhưng đều không gặp được anh T, cũng như bố, mẹ anh T. Do vậy Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

** Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 207; Điều 208; Điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T: Xử cho chị T được ly hôn anh T.

- Về con cng: Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cng là Hoàng Việt T, sinh ngày 29/8/2014, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đề cập xem xét.

Về tài sản, công nợ chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Phạm Thị T và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện nay đang ở thôn C, xã Đ, huyện Y, nên vụ án tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý vụ kiện đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến làm việc, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không chấp hành. Căn cứ Điều 207; Điều 208; Điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị T kết hôn cùng anh Hoàng Văn T vào ngày 18/10/2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng cng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời không tu trí làm ăn, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu vì vậy vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Mặc dù anh T không đến phiên tòa nhưng qua xác minh tại địa phương cung cấp thấy vợ chồng chị T, anh T sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai từ tháng 8/2020 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống cng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ. Cần xử cho chị T được ly hôn anh T.

Về con cng: Vợ chồng có 01 con cng là Hoàng Việt T, sinh ngày 29/8/2013, hiện con cng đang ở với chị T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu T đang ở ổn định với chị T, hơn nữa chị T là giáo viên mầm non, có thời gian, điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục cháu, bản thân anh T thường xuyên vắng nhà, điều kiện gần gũi chăm sóc con không bằng chị T. Vì vậy giao cháu Trung cho chị T nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cho cháu có môi trường sống tốt hơn. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về quyền thăm non con cng. Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con cng không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, ruộng canh tác: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273, Điều 207; Điều 208; Điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức t miễn giảm, t nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con cng: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con cng là Hoàng Việt T, sinh ngày 29/8/2014. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về quyền thăm non con cng. Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con cng không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tiền án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai t số 0004625 ngày 05/01/2021 do Chi cục Thi hành án huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND yện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS yện Yên Thế;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự; Lưu HS;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh